

Số: 11/2023/QĐST - DS

Yên Dũng, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Đắc H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số nợ*: Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Q, ông Lê Đắc H tổng số tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- *Về phương án trả nợ*: Anh Nguyễn Ngọc T trả tiền bà Dương Thị Q, ông Lê Đắc H cứ ba tháng 1 lần, mỗi lần trả 25.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của tháng, bắt đầu từ ngày 30/8/2023, cụ thể như sau:

Ngày 30/8/2023, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2023, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/02/2024, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2024, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2024, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2024, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2025, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2025, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2025, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2025, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2026, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2026, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2026, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2026, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2027, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2027, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2027, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2027, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2028, anh T phải trả cho bà Q, ông H số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

- *Về án phí*: Bà Dương Thị Q và ông Lê Đắc H phải chịu 5.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.100.000 đồng theo biên lai thu số: 0009935 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, trả lại bà Dương Thị Q 6.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 5.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

- *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Oanh